

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày 30-6-2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Minh Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quàng Văn Mãng .

2. Bà Quàng Thị Hỏa.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Quàng Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/ 2019/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST–DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông LVĐ, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tiểu khu NC thị trấn IO, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông LVH, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tiểu khu HI, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà LTO, Địa chỉ: Tiểu khu HI, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa;

2. Bà LTB, địa chỉ: Tiểu khu NC, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông LVĐ trình bày:*

Ngày 11/02/2009, ông LVĐ cho ông LVH vay số tiền là 10.000.000, đồng với lãi suất là 2,5%/ tháng, lãi suất này do anh H tự đặt ra, khi nào cần thì báo trước 03 ngày anh H sẽ trả đủ cả gốc lẫn lãi. (có viết giấy vay tiền).

Ngày 13/10/2009, ông LVĐ tiếp tục cho ông LVH vay số tiền là 20.000.000, đồng, cũng với lãi suất 2,5%/ tháng, và khi nào cần thì báo trước 03 ngày anh H sẽ trả đủ cả gốc lẫn lãi. (có viết giấy vay tiền).

Từ năm 2012 đến năm 2019 ông Đ có đến đòi ông H nhiều lần, nhưng ông H không trả tiền và còn chửi bới và dọa đánh ông.

Nguyên đơn ông LVĐ cung cấp chứng cứ gồm:

Các giấy vay tiền đề ngày 11/02/2009, ông LVĐ cho ông LVH vay số tiền là 10.000.000, đồng với lãi suất là 2,5%/ tháng và ngày 13/10/2009, ông LVĐ tiếp tục cho ông LVH vay số tiền là 20.000.000, đồng cũng với lãi suất 2,5%/ tháng.

Ông LVĐ khẳng Đ số tiền 20.000.000, đồng mà bà Lường Thị O đưa cho ông Đ để đi lo việc cho ông H là không đúng, ông Đ yêu cầu bà O và ông H cung cấp chứng cứ về số tiền vay 20.000.000, đồng.

Còn khoản tiền bà LTO và bà LTB cho nhau vay, không liên quan đến khoản tiền ông cho ông H vay.

Tại phiên tòa ông LVĐ giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu ông LVH phải trả cho ông số tiền gốc là 30.000.000đ và lãi suất lãi suất 2,5%/ tháng từ 11/02/2009 đến nay.

*Bị đơn ông LVH trình bày:*

Vào ngày 11/02/2009 ông có được vay số tiền của ông LVĐ là 10.000.000đ với lãi suất 2,5%/tháng, có làm giấy tờ vay mượn và hẹn khi nào cần thì ông LVĐ báo trước 03 ngày để ông trả nợ hết gốc và lãi. Hiện nay số tiền này ông vẫn chưa trả cả gốc lẫn lãi cho ông LVĐ, vì gia đình ông đang gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả cho ông Đ.

Ông LVĐ khai cho ông vay số tiền 20.000.000, đ vào ngày 13/10/2009 với lãi suất 2,5%/tháng, hẹn khi nào cần thì ông Đ báo trước 03 ngày sẽ trả nợ hết gốc và lãi. Là không đúng sự thật giấy vay nợ đó là do ông LVĐ tự viết và ký tên ông vào giấy vay nợ.

Ngoài ra ông H có đơn phản tố yêu cầu tòa án buộc ông LVĐ phải trả cho gia đình ông số tiền là 20.000.000đ, do bà LTO (là vợ của ông H) có đưa cho ông Đ để ông Đ đi lo việc cho ông H, nhưng ông Đ không lo được và không trả lại số tiền trên. Khi đưa tiền bà O không làm giấy vay mượn và cũng không có ai làm chứng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTO trình bày:*

Việc ông LVĐ khởi kiện ông LVH vay tiền của ông Đ số tiền là 30.000.000, đồng, bà O chỉ biết ông H (chồng bà) có được vay tiền của ông Đ số tiền là 10.000.000đ, vay vào ngày 11/02/2009 hiện nay chưa trả cả gốc và lãi cho ông Đ, còn đối với khoản vay số tiền là 20.000.000, đ bà không được biết.

Còn khoản vay tiền của bà LTB (vợ ông Đ) vào ngày 02/10/2010, bà có vay của bà LTB số tiền 3.000.000, đồng, đến ngày 3/10/2010 bà tiếp tục vay thêm bà B số tiền 10.000.000, đồng. Tổng cộng số tiền vay cả hai lần là 13.000.000, đồng. Tiền lãi phát sinh là 1.450.000, đồng. Ngày 11/10/2010 bà đã trả đủ số tiền trên cho bà B cả gốc và lãi phát sinh (không liên quan đến các khoản vay của ông Đ và ông H).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTB trình bày:*

Bà LTO có vay của bà hai lần, một lần thứ nhất vào ngày 02/10/2010 với số tiền là 3.000.000, đồng, lần thứ hai vào ngày 3/10/2010 với số tiền là 10.000.000, đồng. Tiền lãi phát sinh là 1.450.000, đồng. Bà LTO đã trả đủ số tiền trên cả gốc và lãi phát sinh cho bà.

Đối với chứng cứ trả tiền anh H cung cấp cho Tòa án, chính là giấy tờ trả tiền khoản nợ trên của bà với bà LTO (không liên quan đến khoản tiền ông Đ cho ông H vay).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy Đ.

Về nội dung:

Căn cứ các Điều 471; 476; của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ các Điều 643; 648; của Bộ luật dân sự năm 2015 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lương Văn Hốp phải trả cho ông Lương Văn Đình số tiền vay gốc là 10.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày vay theo quy định của pháp luật

Đối với yêu cầu của ông Đình yêu cầu ông H phải trả cho ông số tiền vay lần 2 là 20.000.000đ không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của ông LVH yêu cầu ông LVĐ phải trả cho gia đình ông số tiền 20.000.000 đồng, do bà LTO đưa cho ông Đ để đi lo việc cho ông, ông Đ không lo được và không trả lại cho gia đình ông. Sau khi ông H có yêu cầu phản tố, Tòa đã thông báo cho ông cung cấp chứng cứ tài liệu. Nhưng ông H không giao nộp chứng cứ, tài liệu và ông Đ không thừa nhận là đã nhận tiền của bà O vợ ông H. Nên không có căn cứ để xem xét giải quyết. Vậy yêu cầu phản tố của ông H không được chấp nhận.

Buộc ông H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và tiền án phí phản tố không được chấp nhận,

Ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 20.000.000, đ không được chấp nhận.

Ông Đ phải chịu tiền chi phí giám Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy vay tiền đề ngày 11/02/2009 thì hai bên xác lập H đồng vay tài sản. tuy nhiên quá trình thực hiện do bên vay không trả nợ, dẫn đến việc bên cho vay phải đòi nhiều lần, giấy đòi nợ ngày 25/9/2019 ông LVH còn nợ LVĐ số tiền 30.000.000, đồng, ngày 19/12/2019 ông Đ khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện, được quy Đ tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật là “Tranh chấp H đồng vay tài sản” quy Đ tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: H đồng vay tài sản bắt đầu vay vào ngày 11/02/2009 đây là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên quá trình thực hiện do bên vay không trả nợ, dẫn đến việc bên cho vay phải đòi nhiều lần từ ngày vay đến thời điểm tranh chấp. Căn cứ vào Điều 471, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông LVĐ yêu cầu ông LVH phải thanh toán trả hai khoản tiền vay gồm:

Lần thứ nhất ngày 11/02/2009 với số tiền là 10.000.000, đồng. Là có căn cứ chấp nhận do hai bên thừa nhận.

Đối với khoản vay thứ hai ngày 13/10/2009 với số tiền là 20.000.000, đồng do bị đơn ông LVH không công nhận được vay và cho rằng giấy tờ vay tiền ngày 13/10/2009 phần chữ ký, chữ viết không phải của ông viết mà do giả mạo. Để có căn cứ xác Đ yêu cầu này Tòa án đã trưng cầu giám Đ hai lần theo yêu cầu của các đương sự. Kết quả giám Đ cả hai lần của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La và của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an đều kết luận: Không phải do ông LVH ký. Do đó không đủ căn cứ chấp nhận đối với khoản vay ngày 13/10/2009 với số tiền là 20.000.000, đồng.

Từ những đánh giá, phân tích chứng cứ nêu trên, chỉ đủ căn cứ chấp nhận đối với khoản vay ngày 11/02/2009 với số tiền gốc là 10.000.000, đồng.

Do H đồng vay có lãi, do nguyên đơn yêu cầu tính lãi cao hơn lãi của Bộ luật Dân sự quy Đ và bị đơn không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, nên cần căn cứ vào từng thời điểm theo quy Đ của các Bộ luật Dân sự như sau:

Thời điểm từ ngày 11/02 /2009 đến ngày 30/6/2017 là 108 tháng 28 ngày, cụ thể: 10.000.000, đồng x 0,75%/ tháng x 108 tháng 28 ngày = 8.170.000, đồng tiền lãi;

Thời điểm từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 34 tháng, cụ thể: 10.000.000, đồng x 0,83%/tháng x 34 tháng = 2.822.000, đồng tiền lãi.

Tổng cộng lãi là 8.170.000, đồng + 2.822.000, đồng = 10.992.000, đồng.

Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông LVĐ. Buộc ông LVH phải thanh toán trả cho ông LVĐ số tiền vay gốc là 10.000.000, đồng và tiền lãi là 10.992.000, đồng. Tổng cộng 20.992.000, đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông LVH yêu cầu ông LVĐ phải trả số tiền 20.000.000, đồng, do bà LTO đưa cho ông Đ để đi lo việc nhưng ông Đ không lo được. Để có căn cứ xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn, Tòa án đã yêu cầu ông LVH giao nộp tài liệu, chứng cứ nhằm chứng minh việc đưa tiền của hai bên, nhưng đến tại phiên tòa ông LVH và bà LTO (vợ ông H) đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ. Bên cạnh đó ông LVĐ không thừa nhận. Do đó không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu ông LVĐ phải trả cho gia đình ông LVH và bà LTO số tiền 20.000.000, đồng.

[5]. Xét về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 161 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Căn cứ vào Kết quả giám Đ cả hai lần của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La và của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an đều kết luận: Không phải do ông LVH ký;

Căn cứ vào Điều 161, Điều 162 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Ông LVĐ phải chịu chi phí giám Đ 8.500.000, đồng. Ông LVĐ đã tạm nộp là 7.000.000, đồng;

Do ông LVH tạm nộp chi phí giám Đ là 1.500.000, đồng. Do đó ông LVĐ phải hoàn trả cho ông LVH số tiền là 1.500.000, đồng.

[5]. Về án phí:

Nguyên đơn ông LVĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không Tòa án chấp nhận là 20.000.000, đồng;

Bị đơn ông LVH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố Tòa án không chấp nhận là 20.000.000, đồng.

Bị đơn ông LVH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn ông LVĐ được Tòa án không chấp nhận là 20.992.000, đồng.

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 471, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy Đ về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông LVĐ như sau: Buộc ông LVH thanh toán trả cho ông LVĐ số vay gốc là 10.000.000, đồng (mười triệu đồng) và tiền lãi là 10.992.000, đồng (mười triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 20.992.000, đồng (hai mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2. Không đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông LVĐ về yêu cầu: Buộc ông LVH thanh toán trả cho ông LVĐ số vay gốc là 20.000.000, đồng (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo giấy vay đề ngày 13/10/2009.

3. Không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông LVH về yêu cầu: Buộc ông LVĐ thanh toán trả cho ông LVH số tiền là 20.000.000, đồng (hai mươi triệu đồng).

4. Ông LVĐ phải trả tiền chi phí giám Đ cho ông LVH số tiền là 1.500.000, đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, nhưng phải phù H với quy Đ của pháp luật, nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết Đ theo mức lãi suất được quy Đ tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Ông LVH phải chịu 2.049.000, đồng (hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông LVH phải chịu 1.000.000, đồng (một triệu đồng) án phí phản tố không được chấp nhận được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000, đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0004906 ngày 07/02 /2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La. Ông H còn phải nộp tiếp 500.000, đồng (năm trăm nghìn đồng).

Ông LVĐ phải chịu 1.000.000, đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000, đồng (bảy trăm năm

mười nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/00023878 ngày 19/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La. Ông Đ còn phải nộp tiếp 250.000, đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (4);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**Hà Minh Quân**